

Số: /TTr-SNN&PTNT

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

Phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí và kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng mô hình thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Thanh Hóa năm 2023

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Đấu thầu năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về Kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 5428/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu NSNN trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023, tỉnh Thanh Hóa; số 3809/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 về phê duyệt đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Thông báo số 7304/STC-TB ngày 19/12/2022 của Sở Tài chính về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2023;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 1505.3/2023/TĐG-SMG ngày 15/5/2023 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá SMG.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí và kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng mô hình thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Thanh Hóa năm 2023, với các nội dung chính sau:

I. Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện

1. Tổng kinh phí thực hiện năm 2023: 1.050.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng), bao gồm:

1.1. Kinh phí thực hiện mô hình: 950.022.000 đồng, trong đó:

1.1.1. Kinh phí hỗ trợ xây dựng mô hình chăn nuôi gà thịt theo hướng hữu cơ tại huyện Vĩnh Lộc: 429.820.000 đồng.

1.1.2. Kinh phí hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất lúa theo hướng hữu cơ tại huyện Thiệu Hóa: 263.000.000 đồng.

1.1.3. Kinh phí hỗ trợ xây dựng mô hình nuôi tôm sú quảng canh cải tiến theo hướng hữu cơ tại huyện Hậu Lộc: 201.400.000 đồng.

1.1.4. Kinh phí thâm định giá: 9.000.000 đồng.

1.1.5. Kinh phí tư vấn lựa chọn nhà thầu: 2.091.000 đồng.

1.1.6. Kinh phí quản lý: 44.711.000 đồng.

1.2. Kinh phí học tập kinh nghiệm xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ: 99.880.000 đồng.

(Chi tiết có phụ lục 01 kèm theo)

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2023.

3. Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa.

II. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Phần công việc đã thực hiện

Phần công việc đã thực hiện gồm chi phí thâm định giá, có giá trị 9.000.000 đồng.

(Chi tiết có phụ lục 02 kèm theo)

2. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu

Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu có giá trị là 144.591.000 đồng, bao gồm: Kinh phí học tập kinh nghiệm xây dựng mô hình và kinh phí quản lý.

(Chi tiết có phụ lục 03 kèm theo)

3. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

3.1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu có giá trị 896.311.000 đồng, bao gồm 05 gói thầu.

(Chi tiết có phụ lục 04 kèm theo)

3.2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu

3.2.1. *Cơ sở phân chia gói thầu:* Căn cứ vào nội dung, tính chất của từng công việc và trình tự thực hiện; bên cạnh đó, không chia những công việc của nhiệm vụ thành các gói thầu quá nhỏ, đảm bảo quy mô hợp lý và tiến độ thực hiện.

3.2.2. *Giá gói thầu:* Được xác định trên cơ sở dự toán chi tiết kinh phí thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Thanh Hóa năm 2023 do Sở Nông nghiệp và PTNT lập.

3.2.3. *Nguồn vốn*: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2023.

3.2.4. *Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu*:

- Gói thầu số 01: Cung cấp gà giống và vật tư sản xuất (chế phẩm sinh học, thuốc sát trùng, thức ăn hỗn hợp cho gà) phục vụ xây dựng mô hình chăn nuôi gà thịt theo hướng hữu cơ tại huyện Vĩnh Lộc; gói thầu số 02: Cung cấp giống lúa và vật tư sản xuất (phân hữu cơ khoáng, thuốc phòng trừ sâu bệnh, thảo mộc, sinh học) phục vụ xây dựng mô hình sản xuất lúa theo hướng hữu cơ tại huyện Thiệu Hóa là các gói thầu mua sắm hàng hóa có giá trị từ 200 triệu đồng đến 2,0 tỷ đồng; do đó, áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh thông thường qua Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia (phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ) để lựa chọn nhà thầu là phù hợp với quy định của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính.

- Gói thầu số 03: Cung cấp giống tôm và vật tư sản xuất (chế phẩm sinh học, thức ăn cho tôm) phục vụ xây dựng mô hình nuôi tôm sú quảng canh cải tiến theo hướng hữu cơ tại huyện Hậu Lộc là gói thầu mua sắm hàng hóa có giá trị không quá 200 triệu đồng; do đó, áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh rút gọn qua Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia (phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ) để lựa chọn nhà thầu là phù hợp với quy định của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính.

- Gói thầu số 04: Đào tạo, hướng dẫn xây dựng hồ sơ, hướng dẫn áp dụng và đánh giá cấp giấy chứng nhận VietGAP và gói thầu số 05: Tư vấn lựa chọn nhà thầu là các gói thầu tư vấn có giá trị nhỏ hơn 500 triệu đồng; do đó, áp dụng hình thức chỉ định thầu rút gọn để lựa chọn nhà thầu là phù hợp với quy định của Luật Đấu thầu năm 2013, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.

3.2.5. *Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu*: Quý II, III/2023.

3.2.6. *Loại hợp đồng*: Các gói thầu áp dụng theo loại hợp đồng trọn gói là phù hợp với quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 62, Luật Đấu thầu năm 2013.

3.2.7. *Thời gian thực hiện hợp đồng*: Phù hợp với tiến độ thực hiện và đảm bảo đủ thời gian để nhà thầu hoàn thành toàn bộ công việc của gói thầu trong năm 2023.

V. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Không.

VI. Tổng giá trị các phần công việc

(Chi tiết có phụ lục 05 kèm theo)

Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình Chủ tịch UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Cao Văn Cường

PHỤ LỤC 01
DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN
NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Kinh phí (đồng)	Cơ sở tính toán
I	Kinh phí thực hiện mô hình				950.022.000	
1	Hỗ trợ kinh phí xây dựng mô hình chăn nuôi gà thịt theo hướng hữu cơ tại huyện Vĩnh Lộc (quy mô 3.000 con)				429.820.000	
1.1	Hỗ trợ giống, vật tư sản xuất				384.820.000	Chứng thư thẩm định giá số 1505.3/2023/TĐG- SMG ngày 15/5/2023
-	Gà giống (21 ngày tuổi trở lên)	Con	3.000	50.000	150.000.000	
-	Chế phẩm sinh học, thuốc sát trùng	Lít	200,0	80.000	16.000.000	
-	Thức ăn hỗn hợp cho gà (Protein thô 17-18%)	Kg	15.630	14.000	218.820.000	
1.2	Kinh phí đào tạo, hướng dẫn xây dựng hồ sơ, hướng dẫn áp dụng và đánh giá cấp giấy chứng nhận VietGAP	Mô hình	1,00	45.000.000	45.000.000	Theo báo giá thực tế
2	Hỗ trợ kinh phí xây dựng mô hình sản xuất lúa theo hướng hữu cơ tại huyện Thiệu Hóa (quy mô 15 ha)				263.000.000	
2.1	Hỗ trợ giống, vật tư sản xuất				213.000.000	Chứng thư thẩm định giá số 1505.3/2023/TĐG- SMG ngày 15/5/2023
-	Giống lúa (DQ11, Nếp hương)	Kg	750	40.000	30.000.000	
-	Phân hữu cơ khoáng (chất hữu cơ 15%; NPK 6 - 4 - 8)	kg	18.000	8.500	153.000.000	
-	Thuốc phòng trừ sâu bệnh, thảo mộc, sinh học	Ha	15	2.000.000	30.000.000	
2.2	Kinh phí đào tạo, hướng dẫn xây dựng hồ sơ, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam về nông nghiệp hữu cơ	Hồ sơ	1,00	50.000.000	50.000.000	Theo báo giá thực tế

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Kinh phí (đồng)	Cơ sở tính toán
3	Hỗ trợ kinh phí xây dựng mô hình nuôi tôm sú Quảng canh cải tiến theo hướng hữu cơ tại huyện Hậu Lộc (quy mô 03 ha)				201.400.000	
3.1	Hỗ trợ giống, vật tư sản xuất				146.400.000	Chứng thư thẩm định giá số 1505.3/2023/TĐG-SMG ngày 15/5/2023
-	Giống tôm (Quy cỡ giống P15)	con	240.000	160	38.400.000	
-	Chế phẩm sinh học	Lít	600	50.000	30.000.000	
-	Thức ăn cho tôm (Hàm lượng protein 35-42%).	kg	1.950	40.000	78.000.000	
3.2	Kinh phí đào tạo, hướng dẫn xây dựng hồ sơ, hướng dẫn áp dụng và đánh giá cấp giấy chứng nhận VietGAP	Mô hình	1,00	55.000.000	55.000.000	Theo báo giá thực tế
4	Kinh phí thẩm định giá				9.000.000	Theo báo giá thực tế
5	Kinh phí tư vấn lựa chọn nhà thầu (Chi phí thiết bị x0,281%)				2.091.000	Thông tư 12/2021/TT-BXD của Bộ Xây dựng
6	Kinh phí quản lý (A x5%)				44.711.000	Chi tiết có Phụ lục 01a kèm theo
II	Kinh phí học tập kinh nghiệm xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại các tỉnh ngoài: 02 đoàn				99.880.000	
1	Đoàn học tập kinh nghiệm xây dựng mô hình chăn nuôi gà và nuôi tôm hữu cơ tại các tỉnh phía Bắc (Đoàn gồm: 32 người, trong đó 16 người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước; thời gian thăm quan 03 ngày)				63.080.000	
-	Thuê xe ô tô 35 chỗ đi thăm quan mô hình	Ngày	3	6.000.000	18.000.000	Theo báo giá thực tế
-	Thuê phòng ngủ: 01 người = 02 đêm x 350.000 đồng/đêm= 700.000 đồng/người	Người	32	700.000	22.400.000	Nghị Quyết 64/2017/NQ-HĐND ngày

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Kinh phí (đồng)	Cơ sở tính toán
-	Phụ cấp lưu trú cho người hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 01 người = 03 ngày x 200.000 đồng/ngày= 600.000 đồng	Người	16	600.000	9.600.000	12/7/2017 của HĐND tỉnh
-	Hỗ trợ tiền ăn cho người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 01 người = 03 ngày x 150.000 đồng/người = 450.000 đồng	Người	16	450.000	7.200.000	
-	Tiền nước uống: 01 người = 03 ngày x 30.000 đồng/ngày = 90.000 đồng	Người	32	90.000	2.880.000	
-	Chi khác				3.000.000	
2	Đoàn học tập kinh nghiệm xây dựng mô hình sản xuất lúa hữu cơ tại các tỉnh phía Bắc (Đoàn gồm: 30 người, trong đó 15 người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước; thời gian thăm quan 02 ngày)				36.800.000	
-	Tiền thuê xe ô tô 35 chỗ đi thăm quan mô hình	Ngày	2	6.000.000	12.000.000	Theo báo giá thực tế
-	Tiền thuê phòng ngủ: 01 người = 01 đêm x 350.000 đồng/đêm= 350.000 đồng/người	Người	30	350.000	10.500.000	Nghị Quyết 64/2017/NQ- HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh
-	Tiền phụ cấp lưu trú cho người hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 01 người = 02 ngày x 200.000 đồng/ngày= 400.000 đồng	Người	15	400.000	6.000.000	
-	Hỗ trợ tiền ăn cho người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 01 người = 02 ngày x 150.000 đồng/người = 300.000 đồng	Người	15	300.000	4.500.000	
-	Tiền nước uống: 01 người = 02 ngày x 30.000 đồng/ngày = 60.000 đồng	Người	30	60.000	1.800.000	
-	Chi khác				2.000.000	
	Tổng cộng (I + II)				1.049.902.000	
	Làm tròn				1.050.000.000	

PHỤ LỤC 01a
DỰ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN
NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	Tiền công tác phí				11.730.000	
1	Bàn giao giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình				3.870.000	
	Bàn giao giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình tại các huyện: Thiệu Hóa 40 km, Vĩnh Lộc 130 km, Hậu Lộc 90 km. Tổng là 260 km, đoàn gồm 3 người, mỗi huyện đi 01 ngày.				3.870.000	
-	Khoản tiền tự túc phương tiện cá nhân đi công tác phương tiện: 01 người = 260 km x 0,15 lít/01km x 21.500 đồng/lít = 840.000 đồng	Người	3	840.000	2.520.000	Quy chế chi tiêu nội bộ của Cơ quan
-	Tiền phụ cấp công lưu trú: 01 người = 3 huyện x 150.000 đồng/ngày = 450.000 đồng	Người	3	450.000	1.350.000	Nghị Quyết 64/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh
2	Đi kiểm tra tình hình thực hiện mô hình	Lần	2	2.580.000	5.160.000	
	Đi kiểm tra mô hình tại các huyện: Thiệu Hóa 40 km, Vĩnh Lộc 130 km, Hậu Lộc 90 km. Tổng là 260 km, đoàn gồm 3 người, mỗi huyện đi 01 ngày.					
	01 lần đi kiểm tra				2.580.000	
-	Khoản tiền tự túc phương tiện cá nhân đi công tác phương tiện: 1 người = 260 km x 0,15 lít/01km x 21.500 đ/lít = 840.000 đồng	Người	2	840.000	1.680.000	Quy chế chi tiêu nội bộ của Cơ quan
-	Tiền phụ cấp công lưu trú: 01 người = 3 huyện x 150.000 đồng/ngày = 450.000 đồng	Người	2	450.000	900.000	Nghị Quyết 64/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh

3	Đi nhiệm thu tình hình thực hiện mô hình				2.700.000	
	Đi nghiệm thu mô hình tại các huyện: Thiệu Hóa: 40 km, Vĩnh Lộc: 130 km, Hậu Lộc: 90 km, tổng 3 huyện = 260 km, Đoàn gồm 3 người, mỗi huyện đi 01 ngày				2.700.000	
-	Khoản tiền tự túc phương tiện cá nhân đi công tác phương tiện: 1 người = 260 km x 0,15 lít/01km x 21.500 đồng/lít = 840.000 đồng	Người	3	450.000	1.350.000	Quy chế chi tiêu nội bộ của Cơ quan
-	Tiền phụ cấp công lưu trú: 01 người = 3 huyện x 150.000 đồng/ngày = 450.000 đồng	Người	3	450.000	1.350.000	Nghị Quyết 64/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh
II	Tiền văn phòng phẩm				3.300.000	
	Tiền mua văn phòng phẩm phát cho các cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý mô hình	Người	12	275.000	3.300.000	Thanh toán theo thực tế
III	Tiền in ấn tài liệu phát cho các mô hình				1.800.000	
-	01 mô hình = 40 bộ x 30 trang x 500 đồng/trang = 600.000 đồng	Mô hình	3	600.000	1.800.000	Thanh toán theo thực tế
III	Tiền làm thêm giờ cho cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý mô hình				27.881.000	
	Tổng số				44.711.000	

PHỤ LỤC 02
PHẦN CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Giá trị (đồng)
1	Thẩm định giá	Sở Nông nghiệp và PTNT	9.000.000
Tổng giá trị			9.000.000

PHỤ LỤC 03
PHẦN CÔNG VIỆC KHÔNG ÁP DỤNG ĐƯỢC MỘT TRONG CÁC HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

STT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Giá trị (đồng)
1	Kinh phí học tập kinh nghiệm xây dựng mô hình	Sở Nông nghiệp và PTNT	99.880.000
2	Kinh phí quản lý	Sở Nông nghiệp và PTNT	44.711.000
Tổng giá trị thực hiện			144.591.000

PHỤ LỤC 04
PHÂN CÔNG VIỆC THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 01: Cung cấp gà giống và vật tư sản xuất (chế phẩm sinh học, thuốc sát trùng, thức ăn hỗn hợp cho gà) phục vụ xây dựng mô hình chăn nuôi gà thịt theo hướng hữu cơ tại huyện Vĩnh Lộc	384.820.000	Nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách tỉnh	Chào hàng cạnh tranh thông thường qua Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý II, III/2023	Trọn gói	03 tháng
2	Gói thầu số 02: Cung cấp giống lúa và vật tư sản xuất (phân hữu cơ khoáng, thuốc phòng trừ sâu bệnh, thảo mộc, sinh học) phục vụ xây dựng mô hình sản xuất lúa theo hướng hữu cơ tại huyện Thiệu Hóa	213.000.000	Nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách tỉnh	Chào hàng cạnh tranh thông thường qua Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý II, III/2023	Trọn gói	03 tháng
3	Gói thầu số 03: Cung cấp giống tôm và vật tư sản xuất (chế phẩm sinh học, thức ăn cho tôm) phục vụ xây dựng mô hình nuôi tôm sú quảng canh cải tiến theo hướng hữu cơ tại huyện Hậu Lộc	146.400.000	Nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách tỉnh	Chào hàng cạnh tranh (quy trình rút gọn) qua Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý II, III/2023	Trọn gói	03 tháng
4	Gói thầu số 04: Đào tạo, hướng dẫn xây dựng hồ sơ, hướng dẫn áp dụng và đánh giá cấp giấy chứng nhận VietGAP	150.000.000	Nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu (quy trình rút gọn)		Quý II, III/2023	Trọn gói	03 tháng

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
5	Gói thầu số 05: Tư vấn lựa chọn nhà thầu	2.091.000	Nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu (quy trình rút gọn)		Quý II, III/2023	Trọn gói	03 tháng
Tổng giá trị các gói thầu		896.311.000						

PHỤ LỤC 05
TỔNG GIÁ TRỊ CÁC PHẦN CÔNG VIỆC

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	9.000.000
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	144.591.000
3	Tổng giá trị phần công việc thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	896.311.000
4	Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu	0
Tổng giá trị các phần công việc		1.049.902.000
Tổng kinh phí nhiệm vụ (làm tròn)		1.050.000.000